

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-PT
Ngày 22-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương

Ông Trương Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 269/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Thị T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị T, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hoá; nơi thường trú: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Lê Thị H, có chồng là Lê Bá H1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, có 02 bị cáo; 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của các bị cáo:

Khoảng tháng 6/2021, bị cáo Lê Quốc N được ông Trịnh Văn T1 thuê điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 60V-76xx vận chuyển heo từ trạm trung chuyển của Công ty cổ phần C tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước đến lò giết mổ tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng 17 giờ cùng ngày, do xe ô tô biển kiểm soát 60V-76xx bị hư hỏng nên ông Trịnh yêu cầu N1 đến nhà của Phạm Văn T2

để nhận xe ô tô biển số 93H-002.xx do ông Trịnh Văn T1 mượn của ông Phạm Văn T3 để tiếp tục vận chuyển heo. Sau đó, N1 đến nhà của T2 để nhận xe ô tô biển số 93H-002.xx và điều khiển đến huyện C, tỉnh Bình Phước vận chuyển heo. Khi N1 điều khiển xe ô tô trên thì T2 lên xe đi nhờ một đoạn đến nhà bạn của T2 tại ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian đi cùng trên xe, N1 nói cho T2 biết mình để quên giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 trên xe ô tô biển số 60V-76xx. Thấy vậy, T2 nói sẽ cho N1 01 phiếu xét nghiệm giả để N1 đi qua các chốt kiểm soát dịch Covid-19 thì N1 đồng ý. Sau đó, N1 cung cấp thông tin như: họ tên, năm sinh, địa chỉ cho T2, T2 lấy trong người ra 01 giấy kết quả xét nghiệm do Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (sau đây gọi tắt là Công ty B); địa chỉ: số A, đường N, Khu đô thị B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương cấp và ghi thông tin của N1 vừa cung cấp vào giấy này rồi đưa lại cho N1. Khi này, T2 đến nơi nên xuống xe còn N1 tiếp tục điều khiển xe đến địa bàn huyện C, tỉnh Bình Phước. Khoảng 20 giờ 35 phút cùng ngày, N1 đi đến Chốt kiểm soát dịch bệnh trên Quốc lộ A thuộc xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Tại đây, Nam xuất trình giấy kết quả xét nghiệm giả do T2 đưa nêu trên nhằm lừa dối lực lượng kiểm tra để vào địa bàn huyện C, tỉnh Bình Phước nhưng N1 bị phát hiện, bắt giữ, tạm giữ 01 giấy kết quả xét nghiệm do Công ty TNHH B cấp mang tên Lê Quốc N. Công an huyện C, tỉnh Bình Phước tiếp tục kiểm tra, xe ô tô biển số 93H-002.xx tạm giữ thêm 03 giấy kết quả xét nghiệm âm tính Covid-19 của Công ty TNHH B cấp cho Phạm Văn T2, Phạm Thanh H2 và Lê Viết H3. Sau đó, Cơ quan công an tiếp tục làm việc với Phạm Văn T2, Phạm Thị T.

Trong quá trình điều tra, Phạm Văn T2, Phạm Thị T đã khai nhận: khoảng tháng 6/2021, T và T2 làm việc tại trại heo của ông Phạm Văn T3 là anh của T và T2. T làm công việc là kế toán, T2 làm công việc lái xe. Khoảng đầu tháng 8/2021, T được bà Phạm Thị T4 cho mượn một chiếc máy tính xách tay hiệu Dell Inspiron, mã 36448122782 để nhập dữ liệu công nợ của khách hàng được thuận lợi. Cũng trong khoảng thời gian này, T nói với ông T3 cần mua một máy phô tô để phục vụ cho công việc in công nợ của khách hàng và các tài liệu có liên quan đến công việc của T nên ông T3 đã mua một máy phô tô nhãn hiệu Brother, loại DCP-L3551CDW theo yêu cầu của T. Do T biết cách sử dụng phần mềm photoshop chỉnh sửa hình ảnh nên T đã làm ra 06 tờ giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả mộc dấu của Công ty B và để trong rổ trên bàn làm việc của T tại trại heo của ông Phạm Văn T3, T không thỏa thuận với T2 về vấn đề làm giấy giả này. Đối với T2, T2 thấy bàn làm việc của T có giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả mộc dấu của Công ty B, T2 biết là giả nhưng T2 vẫn diễn thông tin.

Từ khoảng tháng 8/2021 đến khi bị phát hiện, T và T2 đã làm giả cụ thể như sau:

Lần 1: Phạm Văn T2 lấy 01 giấy xét nghiệm do T làm giả giấy xét nghiệm của Công ty B cấp, T2 ghi tên của Phạm Thanh H2, năm 1988, địa chỉ ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, thể hiện ngày cấp 08/7/2021.

Lần 2: Phạm Văn T2 lấy 01 giấy xét nghiệm do T làm giả giấy xét nghiệm của Công ty B cấp, T2 ghi tên của Phạm Văn T2, năm 1987, địa chỉ ấp F, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, thể hiện ngày cấp 07/8/2021.

Lần 3: Phạm Văn T2 lấy 01 giấy xét nghiệm do T làm giả giấy xét nghiệm của Công ty B cấp, T2 ghi tên của Trần Ngọc S, năm 1986, địa chỉ xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, thể hiện ngày cấp 07/8/2021.

Lần 4: Phạm Văn T2 lấy 01 giấy xét nghiệm do T làm giả giấy xét nghiệm của Công ty B cấp, T2 ghi tên của Phạm Văn T2, năm 1987, địa chỉ ấp F, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, thể hiện ngày cấp 16/8/2021.

Lần 5: Phạm Thị T lấy 01 giấy xét nghiệm do T làm giả giấy xét nghiệm của Công ty B cấp, T ghi tên của Lê Viết H3, năm 1990, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, thể hiện ngày cấp 19/8/2021 (lần này T2 không biết T sử dụng giấy giả này).

Lần 6: Phạm Văn T2 lấy 01 giấy xét nghiệm do T làm giả giấy xét nghiệm của Công ty B cấp, T2 ghi tên của Lê Quốc N, năm 1993, địa chỉ ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, thể hiện ngày cấp 16/8/2021;

Đối với lần T ghi thông tin của ông Lê Viết H3 vào một tờ giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả và để trên xe ô tô tải BKS: 93H-002.xx, ông H3 không biết T ghi thông tin của mình vào kết quả xét nghiệm giả nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đối với giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả của Phạm Thanh H2 là T2 tự ghi vì T2 và anh H2 có quen biết với nhau và anh H2 có đi nhờ xe của T2 về nơi ở tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và T2 nghĩ rằng đi qua chốt kiểm soát phải trình giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 của người đi cùng nên đã tự ghi thông tin của anh H2 vào giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả mà anh H2 không biết. Qua xác minh tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương không có ai tên Phạm Thanh H2, sinh năm 1988. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ. Đối với giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả của Trần Ngọc S là do có một xe của trại heo mã QR hết hiệu lực và T không liên lạc được với ông S nên đã nhờ T2 ghi thông tin của ông S vào giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả và chụp gửi cho T để gia hạn mã QR và ông S cũng không biết việc T2 ghi thông tin của ông S vào giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả. Sau đó, T đã vứt bỏ. Tuy nhiên, T và T2 thừa nhận trong tập bản ảnh được trích xuất dữ liệu phục hồi từ máy tính xách tay hiệu Dell Inspiron, mã 36448122782 tại file ảnh tên “Picture 5355856” có thông tin của Trần Ngọc S là giấy xét nghiệm âm tính Covid-19 giả do T đã vứt bỏ. Như vậy, ông S không biết T và T2 lấy thông tin của mình làm giả kết quả xét nghiệm, ông S không sử dụng giấy trên nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Theo Kết luận giám định số 47/2021/GĐ-TL ngày 27/8/2021 Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B kết luận: Hình dấu tròn đọc được nội dung “H.B-T. BÌNH DƯƠNG ★ M.S.D.N: 3702698422....★ CÔNG TY TNHH B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1-A6 không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M1-M4 đóng ra. Hình dấu chữ nhật nội dung “PKĐK S Phòng xét nghiệm” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1-A6 không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M5 đóng ra. Hình dấu chữ ký mang tên BS.CK1. LÊ THẾ H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1-A6 không phải do con dấu có hình dấu chữ ký mẫu trên tài liệu ký hiệu M1-M3, M7 đóng ra. Hình dấu chữ ký mang tên CNXN. NGUYỄN THANH TH trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1-A6 không phải do con dấu có hình dấu chữ ký mẫu trên tài liệu ký hiệu M1-M3, M6 đóng ra. Theo Kết luận giám định số

73/2021/GĐ-TL ngày 31/8/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B kết luận: phục hồi được 42 (bốn mươi hai) tập tin hình ảnh có đuôi “jpg” liên quan đến xét nghiệm âm tính Covid-19, được lưu trữ trong máy tính xách tay hiệu Dell Inspiron, mã 36448122782 gửi đến giám định ký hiệu A (nội dung chi tiết được lưu trữ trong đĩa DVD dung lượng 4,7GB gửi kèm theo). Kèm theo kết luận giám định: 01 đĩa DVD dung lượng 4,7GB lưu trữ 42 (bốn mươi hai) tập tin hình ảnh có đuôi “jpg”, dung lượng 7,7 MB. Theo Kết luận giám định số 49/2021/GĐ-TL ngày 15/9/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B kết luận: chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ nội dung “20/8/2021 - chữ ký - Lê Quốc N) so với chữ viết đứng tên Phạm Thị T trên tài liệu ký hiệu M1, M2 và chữ viết dưới mục “NGƯỜI KHAI” trên tài liệu M3, M do cùng một người viết ra. Theo Kết luận giám định số 3488/KL-KTHS ngày 06/7/2022 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: không đủ cơ sở kết luận các chữ in trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với các chữ in trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là có cùng một máy in in ra hay không.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 46, Điều 47, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và Lê Quốc N 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”; tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, bị cáo Phạm Thị T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được thay đổi hình phạt thành mức hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.

Tại phiên tòa bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: bị cáo Phạm Thị T sử dụng phần mềm vi tính làm giả 06 phiếu xét nghiệm Covid-19 của Công ty TNHH B. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại; bị cáo đang nuôi con nhỏ, đồng thời dịch Covid-19 đã được kiểm soát, bị cáo có địa chỉ rõ ràng. Do đó, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân

huyện B, tỉnh Bình Dương, xử phạt bị cáo T 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng tháng 8 năm 2021, tại ấp F, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phạm Thị T đã có hành vi làm giả 06 giấy xét nghiệm Covid-19 có mộc dấu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B. Bị cáo Phạm Văn T2 đã biết 05 tờ giấy xét nghiệm Covid-19 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B do T làm giả nhưng vẫn ghi thông tin hoàn tất các giấy xét nghiệm giả nhằm đi qua các chốt kiểm dịch Covid-19. Bị cáo Lê Quốc N biết Phạm Văn T2 đưa cho N 01 tờ giấy xét nghiệm Covid-19 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B là giả nhưng N vẫn cung cấp thông tin của mình để hoàn tất 01 giấy xét nghiệm giả nhằm đi qua các chốt kiểm dịch Covid-19. Hành vi của bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức; gây mất trật tự, trị an ở địa phương.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo xin được xét xử hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền, tại phiên tòa, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, do chuyển biến tình hình, hiện nay dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát và đã được tiêm ngừa rộng rãi trong nhân dân, hành vi của bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có công tham gia phòng chống dịch Covid-19 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét bị cáo Phạm Thị T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, không có tình tiết tăng nặng. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày

15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cho bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về hình phạt:

2. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 46, Điều 47, Điều 58, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (22/01/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Phạm Thị T không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo,
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VT (3), hồ sơ vụ án, NMT, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức